

I. TRẮC NGHIỆM: (7 điểm). Thời gian làm bài 30 phút. Mỗi ý đúng 0,25 điểm.
Chọn đáp án đúng nhất ghi vào tờ giấy thi.

Câu 1. Trẻ nhỏ bị còi xương khi thiếu loại vitamin nào?

- A. Vitamin D. B. Vitamin B.
C. Vitamin C. D. Vitamin A.

C

Câu 2. Hệ bài tiết nước tiểu gồm các cơ quan:

- A. thận, cầu thận, bóng đái.
B. thận, ống dẫn nước tiểu, bóng đái, ống đái.
C. thận, ống thận, bóng đái.
D. thận, bóng đái, ống đái.

Câu 3. Đơn vị chức năng của thận *không* gồm thành phần nào sau đây?

- A. Ống thận B. Nang cầu thận C. Cầu thận D. Ống góp

Câu 4. Nước tiểu chính thức sau khi tạo thành được chuyển đến bộ phận nào đầu tiên?

- A. bể thận B. ống thận
C. ống dẫn nước tiểu D. thải ra ngoài môi trường

Câu 5. Thông thường, lượng nước tiểu trong bóng đái đạt đến thể tích bao nhiêu thì cảm giác buồn đi tiểu sẽ xuất hiện?

- A. 50 ml B. 1000 ml
C. 200 ml D. 600 ml

Câu 6. Chức năng nào *không* được thực hiện bởi da người?

- A. Hô hấp. B. Điều hòa thân nhiệt.
C. Bảo vệ. D. Tạo vẻ đẹp cho cơ thể.

Câu 7. Vai trò cách nhiệt được thực hiện bởi cấu trúc nào của da?

- A. Lớp mỡ dưới da. B. Lớp biểu bì.
C. Lớp bì. D. Tầng sừng.

Câu 8. Bộ phận ngoại biên của hệ thần kinh gồm

- A. não bộ, dây thần kinh. B. dây thần kinh, hạch thần kinh.
C. não bộ, tủy sống. D. tủy sống, dây thần kinh.

Câu 9. Rễ sau ở tủy sống là

- A. sợi li tâm B. rễ vận động.
C. rễ cảm giác. D. sợi hướng tâm.

Câu 10. Liên phía sau trụ não là

- A. não giữa. B. đại não.
C. não trung gian. D. tiểu não.

Câu 11. Vùng thính giác nằm ở thùy nào của vỏ não?

- A. Thùy chẩm. B. Thùy trán.
C. Thùy đỉnh. D. Thùy thái dương.

Câu 12. Viễn thị là

- A. tật mà mắt không nhận biết được màu sắc của vật.
- B. tật mà mắt chỉ có khả năng nhìn xa.
- C. tật mà mắt không có khả năng nhìn xa.
- D. tật mà mắt chỉ có khả năng nhìn gần.

Câu 13. Nguyên nhân gây ra tật viễn thị là do

- A. do cầu mắt ngắn bẩm sinh, thể thủy tinh bị lão hoá.
- B. do thể thủy tinh luôn phồng, lâu dần mất khả năng dẫn.
- C. do cầu mắt dài bẩm sinh.
- D. do thể thủy tinh không dẫn được.

Câu 14. Điều khiển hoạt động của các nội quan là do

- A. hệ thần kinh sinh dưỡng.
- B. hệ thần kinh vận động.
- C. thần nơron.
- D. sợi trục.

Câu 15. Ở tủy sống, rễ sau có vai trò gì?

- A. Phân tích và xử lí các kích thích tiếp nhận được từ cơ quan thụ cảm.
- B. Dẫn truyền xung thần kinh vận động từ trung ương tới cơ quan đáp ứng.
- C. Dẫn truyền xung thần kinh cảm giác từ cơ quan thụ cảm về trung ương.
- D. Dẫn truyền xung thần kinh cảm giác từ trung ương thần kinh tới cơ quan thụ cảm.

Câu 16. Để khắc phục tật viễn thị, ta cần đeo loại kính nào?

- A. Kính viễn thị.
- B. Kính cận thị.
- C. Kính viễn vọng.
- D. Kính phân kì.

Câu 17. Chọn những ý trả lời đúng nhất

- 1. Điểm vàng và điểm mù cùng nằm trên màng
- 2. Điểm vàng chứa các tế bào thần kinh hình nón tiếp nhận cảm giác ánh sáng
- 3. Điểm mù là nơi không có tế bào thần kinh thị giác nên ảnh rơi vào điểm này sẽ không nhìn thấy gì..
- 4. Cần luyện tập cho mắt nhìn rõ vào ban đêm như đọc sách chỗ tối, làm việc nơi không đủ ánh sáng.

- A. 1,2.
- B. 1,4.
- C. 1,2,3.
- D. 1,2,3,4.

Câu 18. Tuyến nội tiết lớn nhất là:

- A. Tuyến giáp.
- B. Tuyến tụy.
- C. Tuyến cận giáp.
- D. Tuyến sinh dục.

Câu 19. Tai được chia ra làm 3 phần, đó là những phần nào?

- A. Tai ngoài, màng nhĩ, tai trong.
- B. Vành tai, tai giữa, tai trong.
- C. Tai ngoài, tai giữa, tai trong.
- D. Vành tai, ống tai, màng nhĩ.

Câu 20. Khi trời quá lạnh, da có phản ứng:

- A. Mao mạch dưới da giãn, tuyến mồ hôi tiết nhiều
- B. Mao mạch dưới da giãn..
- C. Mao mạch dưới da co.
- D. Mao mạch dưới da co, cơ chân lông co.

Câu 21. Tuyến yên không tiết hoocmon nào dưới đây

A. FSH. B. LH. C. ACTH. D. Insullin.

Câu 22. Nếu cơ thể tiết ít insullin hoặc không tiết insullin thì dẫn tới bệnh gì?

A. Tiểu đường B. Béo phì. C. Đau đầu. D. Sốt cao.

Câu 23. Cầu mắt được cấu tạo gồm mấy lớp?

A. 5 B. 4 C. 3 D. 2

Câu 24. Bạn A bình thường nhìn gần thì rõ, càng xa càng mờ. Hỏi bạn A bị tật hay bệnh liên quan đến mắt nào?

A. Viễn thị B. Loạn thị C. Cận thị D. Viêm kết mạc

Câu 25. Buổi sáng nghe thấy chuông báo thức sẽ bật dậy. Đây là ví dụ của loại phản xạ nào?

A. Phản xạ không điều kiện. B. Phản xạ có điều kiện.

C. Phản xạ có điều kiện và phản xạ không điều kiện.

D. Phản xạ có điều kiện hoặc phản xạ không điều kiện.

Câu 26. Tiếng nói và chữ viết là cơ sở cho

A. Tư duy trừu tượng. B. Tư duy bằng khái niệm.

C. Khả năng khái quát hóa. D. Tư duy trừu tượng và tư duy bằng khái niệm.

Câu 27. Phản xạ không điều kiện là

A. Phản xạ đã được hình thành trong quá trình tích lũy.

B. Phản xạ sinh ra đã có, không cần phải học tập.

C. Phản xạ được hình thành trong đời sống cá thể, là kết quả của quá trình học tập, rèn luyện, rút kinh nghiệm.

D. Phản xạ sinh ra đã có, nhưng phải học tập mới biết được.

Câu 28. Sản phẩm tiết của các tuyến nội tiết là gì?

A. Dịch nhầy. B. Hoocmon. C. Mồ hôi. D. FSH.

TỰ LUẬN: (3.0 điểm). Thời gian làm bài 15 phút.

Câu 29: (2.0 điểm).

Lấy thí dụ về phản xạ có điều kiện và phản xạ không điều kiện. Phân tích đường dẫn truyền xung thần kinh của phản xạ đó.

Câu 30: (1.0 điểm).

Giải thích tại sao người già thường phải đeo kính lão?

.....**HẾT**.....